TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HNGĐ - ST.
Ngày: 10/02/2026.
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Trường.

2. Bà Trần Thị Thanh Vân.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phan Khắc Duy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường Ủy ban nhân dân thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (Cũ) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2025/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 và quyết định hoãn phiên Tòa số 02/2026/QĐST - DS ngày 22 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Phương L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Khắc N, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH P.

Địa chỉ: Số 767, quốc lộ 20, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị L, anh N có mặt; Công ty TNHH P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Lê Thị Phương L trình bày:

Chị và anh N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2014, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H:, huyện L, tỉnh Lâm Đồng cũ. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N thường xuyên cáu gắt và đập phá đồ đạc. Từ đó vợ chồng anh chị thường xuyên sảy ra mâu thuẫn và sô sát với nhau. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2025 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung tên là cháu Nguyễn Lê Khánh M, sinh ngày 23/10/2015 và cháu Nguyễn Lê Ngọc T, sinh ngày 19/9/2020. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu T, chị đồng ý giao cháu M cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng anh chị có tài sản chung là chiếc ô tô, biển số 49A 10999 đứng anh N. Chiếc máy cày trị giá 120.000.000đ. Khoản nợ mà vợ chồng anh chị đã cho vay là 210.000.000đ. Cụ thể cho ông Nguyễn Bách D vay số tiền là 100.000.000đ. Cho ông Trần Q vay số tiền vay là 110.000.000đ. Bán phân cho ông Nguyễn Khắc L1, bà Nguyễn Thị Th số tiền phân còn nợ là 85.000.000đ. Bán phân cho ông Nguyễn Khắc L2 còn nợ số tiền là 22.000.000đ. Bán phân cho ông Nguyễn Văn T2 số tiền còn nợ là 23.000.000đ. Số phân còn trong kho trị giá là 100.000.000đ. Ngoài ra không còn tài sản chung nào. Khi ly hôn chị yêu cầu chia đôi số tài sản trên.

Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng anh chị có nợ bố mẹ chị là ông Lê Trần T3, bà Nguyễn Thị S số tiền là 200.000.000đ; nợ Công ty TNHH P số tiền là 65.000.000đ. Ngoài ra không còn khoản nợ nào khác. Khi ly hôn chị yêu cầu chia đôi số nợ trên.

Bị đơn anh Nguyễn Khắc N trình bày: Anh và chị L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2014, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng cũ. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L lạnh nhạt, không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Đồng thời chị L cũng có dấu hiệu ngoại tình. Do phát sinh mâu thuẫn nên chị L đã bỏ nhà đi khoảng 4 đến 5 tháng nay. Từ đó vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Nay anh xác

định tình cảm vợ chồng không còn. Mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Khánh M, sinh ngày 23/10/2015 và cháu Nguyễn Lê Ngọc T, sinh ngày 19/9/2020. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi hai cháu. Anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng anh chị có tài sản chung là chiếc ô tô, biển số 49A 10999 đứng tên anh. Khoản nợ mà vợ chồng anh cho vay là 210.000.000đ. Cụ thể cho ông Nguyễn Bách D vay số tiền là 100.000.000đ. Cho ông Trần Q vay số tiền là 110.000.000đ. Ngoài ra còn hai chiếc xe máy biển số 49F1 36583 hiện nay vợ anh đang sử dụng và một chiếc xe máy anh đang sử dụng không nhớ biển số. Ngoài ra không còn tài sản chung nào. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án chia theo công sức đóng góp của các bên.

Về nợ chung: Anh xác định vợ chồng anh chị có nợ bố mẹ anh là ông Nguyễn Khắc L1, bà Nguyễn Thị Th số tiền là 100.000.000đ; nợ Công ty TNHH P số tiền là 80.000.000đ. Ngoài ra vợ chồng anh không còn nợ ai. Khi ly hôn anh yêu cầu ai vay thì người đó trả. Nếu không thì anh đề nghị Tòa án chia đôi số nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH P: Mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với Công ty nhưng Công ty vẫn vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Phương L về việc giải quyết cho chị Lê Thị Phương L và anh Nguyễn Khắc N được ly hôn.

Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Ngọc T, sinh ngày 19/9/2020 cho chị Lê Thị Phương L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Khánh M, sinh ngày 23/10/2015 cho anh Nguyễn Khắc N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về án phí: Chị Lê Thị Phương L phải chịu án phí HNGDST theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng Công ty TNHH P theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2014 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H:, huyện L cũ nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa hôm nay chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng kéo dài, không còn khả năng cải thiện nên chị L giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh N. Chị L cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N thường xuyên cáu gắt và đập phá đồ đạc. Từ đó vợ chồng anh chị thường xuyên sảy ra mâu thuẫn và sô sát với nhau. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2025 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Anh N cũng đồng ý ly hôn với lý do cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L lạnh nhạt, không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Đồng thời chị L cũng có dấu hiệu ngoại tình. Do phát sinh mâu thuẫn nên chị L đã bỏ nhà đi khoảng 4 đến 5 tháng nay. Từ đó vợ chồng anh chị sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Xét thấy, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng anh N, chị L bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống từ đó vợ chồng anh chị thường xuyên sảy ra mâu thuẫn và sô sát với nhau. Bên cạnh đó vợ chồng anh chị cũng thiếu sự quan tâm, chăm sóc cho nhau. Do xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng anh chị đã tự sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng anh chị vẫn không cải thiện được. Đồng thời qua xác minh thì được biết nguyên nhân mâu thuẫn của

vợ chồng anh chị là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên do mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L, xử cho chị L và anh N được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị L, anh N xác định về con chung vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Khánh M, sinh ngày 23/10/2015 và cháu Nguyễn Lê Ngọc T, sinh ngày 19/9/2020. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa hôm nay vợ chồng anh chị thống nhất thỏa thuận giao cháu Nguyễn Lê Khánh M, sinh ngày 23/10/2015 cho anh N có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Lê Ngọc T, sinh ngày 19/9/2020 cho chị L có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Xét thấy hiện nay cháu M đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với anh N. Bên cạnh đó từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân cho đến nay thì cháu M ở với anh N và cháu T ở với chị L. Để đảm bảo cho sự phát triển bình thường của các cháu nên căn cứ khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Nguyễn Lê Khánh M, sinh ngày 23/10/2015 cho anh N có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con và giao con chung là cháu Nguyễn Lê Ngọc T, sinh ngày 19/9/2020 cho chị L có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị L, anh N xác định vợ chồng anh chị có một số tài sản chung. Trước đây chị L xác định đối với tài sản chung chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Tuy nhiên đến này 02/12/2025 chị L có đơn không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng anh chị mà để các bên đương sự tự thỏa thuận, giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đồng thời anh N cũng xác định đối với tài sản chung thì để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, giải quyết với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết về tài sản chung của vợ chồng anh N, chị L.

[5] Về nợ chung: Chị L xác định về nợ chung vợ chồng anh chị có nợ bố mẹ chị là ông Lê Trần T3, bà Nguyễn Thị S số tiền là 200.000.000đ; nợ Công ty TNHH P số tiền 65.000.000đ. Ngoài ra không còn khoản nợ chung nào khác. Đối với nợ chung thì chị L xác định để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh N xác định về nợ chung vợ chồng anh chị có nợ bố mẹ anh là ông Nguyễn Khắc L1, bà Nguyễn Thị Thúy số

tiền 100.000.000đ; nợ Công ty TNHH P số tiền 85.000.000đ. Ngoài ra không còn khoản nợ nào. Khi ly hôn về nợ chung anh N xác định để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Như vậy, về nợ chung đối với số nợ của vợ chồng ông Thịnh, bà Sâm thì anh N không thừa nhận. Đối với số nợ của vợ chồng ông Luận, bà Thúy thì chị L không thừa nhận. Đối với số nợ của Công ty TNHH P thì chị L chỉ thừa nhận có nợ số tiền 65.000.000đ, còn anh N cho rằng số nợ là 85.000.000đ. Đồng thời vợ chồng anh chị xác định về nợ chung để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc với vợ chồng ông Thịnh, bà Sâm, vợ chồng ông Luận, bà Thúy. Qua làm việc với vợ chồng ông Lê Trần T3, bà Nguyễn Thị S; vợ chồng ông Nguyễn Khắc L1, bà Nguyễn Thị Thúy thì đối với số nợ của vợ chồng chị L, anh N vợ chồng ông Thịnh, bà Sâm, vợ chồng ông Luận, bà Thúy không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này mà để các bên tự thỏa thuận, giải quyết với nhau. Đối với số nợ của Công ty TNHH P Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập nhưng công ty không gửi văn bản trình bày cho Tòa án. Vì vậy, đối với các số nợ trên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này. Sau này nếu các bên phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[6] Về án phí: Buộc chị Lê Thị Phương L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của chị Lê Thị Phương L, xử cho chị Lê Thị Phương L và anh Nguyễn Khắc N được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Ngọc T, sinh ngày 19/9/2020 cho chị Lê Thị Phương L có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Khánh M, sinh ngày 23/10/2015 cho anh Nguyễn Khắc N có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Phương L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007321 ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/02/2026) đương sự có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND khu vực 3 - LĐ;
- THADS tỉnh LĐ;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hữu Dũng